

Số: 39 /2016/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;*

*Xét Tờ trình số 3391/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 như sau:

1. Nguyên tắc và trình tự bố trí kế hoạch vốn

a) Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các qui hoạch ngành trong phạm vi toàn tỉnh, trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng huyện, thành phố; cơ bản phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã trình cấp có thẩm quyền. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2017 với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng kế cấu hạ tầng đồng bộ.

b) Việc xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 thực hiện theo đúng các qui định của Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 08 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công; số



21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

c) Việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó: Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho các dự án phải phù hợp với phương án dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 -2020 đã trình cấp có thẩm quyền. Riêng năm 2017, việc phân bổ vốn phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ xây dựng cơ bản và hoàn ứng trước; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA; dự án hoàn thành năm 2017 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2017).

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

Sau khi bố trí vốn cho các nội dung nêu trên, mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới theo quy định sau:

- Ưu tiên bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Dự án khởi công mới trong năm 2017 phải được rà soát chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Cụ thể như dự án thuộc danh mục dự án khởi công mới trong dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 năm 2016; mức vốn bố trí bảo đảm hoàn thành không quá thời gian quy định.

- Bố trí vốn khởi công mới: Xác định rõ nguồn vốn phù hợp với nhiệm vụ chi và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách (đã có ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn).

d) Tiếp tục thực hiện mục tiêu tái cơ cấu đầu tư công, bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng dàn trải, thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

đ) Phân bổ chi đầu tư phát triển ưu tiên cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; xây dựng nông thôn mới; phát triển đô thị, các dự án quốc phòng an ninh; các công trình y tế, giáo dục phục vụ an sinh xã hội.

e) Về phân bổ cơ cấu các nguồn vốn như sau:

- Đối với chi đầu tư từ nguồn vốn cân đối ngân sách đảm bảo mức chi theo qui định.

- Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết đưa vào cân đối theo Luật ngân sách 2015.

- Đối với vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, trên cơ sở dự kiến phương án phân bổ của các huyện, thành phố, UBND tỉnh quyết định giao danh mục và vốn cụ thể cho từng dự án.

- Đối với ngân sách cấp huyện phải đảm bảo theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định.

- Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất, trích 30% lập Quỹ phát triển quỹ đất, còn lại đưa vào cân đối vốn đầu tư.

- Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương sẽ phân khai chi tiết khi có văn bản thông báo chính thức của Trung ương (mức vốn, mục tiêu sử dụng vốn,...).

g) Đối với vốn trái phiếu Chính phủ và vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu:

Căn cứ các nguyên tắc, tổng mức vốn thông báo của Trung ương, địa phương dự kiến danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án gửi Trung ương quyết định theo thẩm quyền.

2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư: 1.994,08 tỷ đồng, gồm các nguồn:

Vốn cân đối ngân sách địa phương: 653,58 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách địa phương: 536,58 tỷ đồng;

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 70 tỷ đồng;

- Nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu: 47 tỷ đồng.

Vốn xổ số kiến thiết: 1.260,00 tỷ đồng;

Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 80,5 tỷ đồng.

b) Phân cấp quản lý như sau:

Cấp tỉnh quản lý: 1.182,46 tỷ đồng

Cấp huyện quản lý: 811,62 tỷ đồng (trong đó cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 572 tỷ đồng, chiếm 32,6% tổng vốn đầu tư của cấp tỉnh), cân đối ngân sách huyện là 239,62 tỷ đồng (bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất: 70 tỷ đồng).

*(Phụ lục kèm theo)*

3. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình triển khai, được thực hiện:



a) Phân khai chi tiết các công trình cụ thể trong phạm vi kế hoạch vốn năm của các đề án, dự án, chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho các dự án có khối lượng thực hiện cao hơn kế hoạch vốn được giao;

c) Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung các dự án trọng điểm, bức xúc, các dự án ngành giáo dục, y tế (khi đã có quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền) để triển khai thực hiện;

d) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án khi có nhu cầu và có quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2016. / *Khai*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.VP HĐND tỉnh.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Tâm**

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Ghi chú	
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân sách chi ngân sách địa phương		Xổ số kiến thiết
<b>TỔNG CỘNG</b>														
A	TỈNH QUẢN LÝ						1.994.080	653.580	80.500	1.260.000				
I	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ						1.182.460	358.060	80.500	743.900				
1	Trả nợ gốc và lãi vay AFD						19.200			19.200				
II	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						50.000	30.000		20.000				
III	THỰC HIỆN DỰ ÁN						1.113.260	328.060	80.500	704.700				
<b>III.1 Dự án chuyên tiếp</b>														
<b>GIAO THÔNG</b>														
1	Đường và cầu Bến Đính	Sở GTVT	Bến Cầu Gò Dầu	8 km đường và cầu	2014-2016	2110/QĐ-UBND 23/10/2013	4.095.959	2.389.187	974.391	974.391				
2	Đường 794 từ ngã ba Ká Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn I)	Sở GTVT	Tân Châu	17,28km	2015-2019	2466/QĐ-UBND 28/10/2014	3.174.171	1.953.315	974.391	974.391				
3	Đường cửa khẩu biên giới (Tuyến dự án Đường Ká Tum- Tân Hòa)	Sở GTVT	Tân Châu	10.645,76m	2016-2020	TMĐT 571.288 triệu đồng (trong đó, TMĐT ưu đãi là: 120.000 triệu đồng)	945.051	883.437	399.495	154.000	11.000			
4	Nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường CM18 đến đường Châu Văn Liêm)	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành giao thông	TP Tây Ninh -Hòa Thành	1 101,38m	2016-2017	2489/QĐ-UBND 30/10/2015	36.599	31.551	13.000	13.000				
5	Nâng cấp đường huyện 7 (đoạn từ chợ Hòa Bình đến chốt biên phòng Vàm Trảng Trầu)	UBND huyện Châu Thành	Châu Thành	l=14,106km BTN; b <sub>đm</sub> = 6m; b <sub>đt</sub> = 8m	2016-2017	265/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	29.445	29.445	15.000	15.000				
6	Đường Nguyễn Trãi, phường Hiệp Ninh, Thị xã Tây Ninh (nay là Thành phố Tây Ninh)	UBND Thành phố	TP Tây Ninh	1292 m BTN	2014-2016	417/QĐ-SKHĐT 31/10/2012; 365/QĐ-SKHĐT 17/12/2015	34.839	32.321	18.095	18.095				
							3.000	11.000		11.000				3.000
							50.000	50.000		50.000				50.000
							27.000	27.000		27.000				27.000
							50.000	50.000		50.000				50.000
							13.000	13.000		13.000				13.000
							11.000	11.000		11.000				11.000
							3.000	3.000		3.000				3.000





STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Chi phí				
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Nguồn lợi chi ngân sách địa phương		Xả số kiến thiết			
<b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>																	
1	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững						60.550	35.118	22.807	18.000	2.000	16.000	8.000				
2	Kênh tưới vùng Rau Muống	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh	Xã Bàu Nang	Tiền thoát cho tưới vùng rau muống 536 ha diện tích đất nông nghiệp và khu dân cư	2016-2017	293/QĐ-SKHDT 30/10/2015	9.671	8.879	6.000	2.000	2.000		1.000	Phân vốn tỉnh dài hạn 6.019 trđ, trong đó vốn SN kinh tế 243 triệu đồng; DPP 387 triệu đồng.			
3	Vòng lúa chất lượng cao xã An Thạnh, huyện Bến Cầu	Sở NN và PTNT	xã An Thạnh	xây dựng tuyến đê bao ngăn lũ dài 5,82km	2016-2017	286/QĐ-SKHDT 30/10/2015	25.895	5.732	4.200	1.000	7.000	7.000					
4	Nâng cấp, mở rộng sân Bả Tươi huyện Gò Dầu	Sở NN và PTNT	Gò Dầu	Tiền nước mua và nước thải 470ha, tiền hoạt nước mua cho vùng đất nông nghiệp làm cần diện tích 1.014ha	2015-2016	244/QĐ-SKHDT 31/10/2014	24.984	20.507	6.000	7.000	41.500	41.500					
<b>Y TẾ</b>																	
1	Bệnh viện Y học cổ truyền Tây Ninh	Sở Y tế	TP Tây Ninh	100 giường	2012-2016	1944/QĐ-LBND 10/10/2012 (đ)	76.072	69.156	66.931	2.000	2.000	2.000					
2	Bệnh viện huyện Châu Thành	Sở Y tế	Châu Thành	80 giường	2012-2016	195/QĐ-LBND 25/01/2016	39.343	38.933	31.030	6.000	6.000	6.000	6.000				
3	Bệnh viện huyện Dương Minh Châu	Sở Y tế	DMC	80 giường	2012-2016	194/QĐ-LBND 25/01/2016	38.050	33.352	26.698	6.000	6.000	6.000	6.000				
4	Nâng cấp mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh	TT QLĐT XD TN	TP Tây Ninh	500 giường lên 700 giường	2013-2016	1436/QĐ-LBND 29/7/2013	279.000	181.429	160.000	9.000	9.000	9.000	9.000				
5	Dự án hợp phần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh thuộc Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng-địa phương giai đoạn II bằng nguồn vốn vay của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	TP Tây Ninh	Mua sắm trang thiết bị	2013-2016	2094/QĐ-LBND 21/10/2013	149.094	148.122	8.300	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500		
6	Trung tâm y tế huyện Tân Biên	UBND huyện Tân Biên	Thị trấn Tân Biên	5.064,28m <sup>2</sup>	2016-2017	2488/QĐ-LBND 30/10/2015	33.751	48.808	30.000	15.000	15.000	15.000	15.000				
<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, ĐÀO NGHE</b>																	
										180.663		144.764		54.900		79.900	
<b>CHI CHỐT</b>																	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (Điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017				Chi phí
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Nguồn hời chi ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết	
1	Trường chuyên Hoàng Lê Kha	Số GD&ĐT	TP Tây Ninh	Diện tích: 11.208m <sup>2</sup> và các công trình phụ trợ khác	2016-2020	2490/QĐ-UBND 30/10/2015	149.563	122.456	39.500	70.000			70.000	
2	Trường chuyên tại tỉnh Tây Ninh		Long Thành Nam	bổ sung 1 số hạng mục	2016-2017	55/QĐ-SKHĐT; 17/02/2016	2.163		1.000	900			900	
3	Trường THCS Phước Thành, Gò Dầu	UBND huyện Gò Dầu	Gò Dầu	Xây mới phòng học, phòng chức năng 1 trệt, 1 lầu, tổng DT sàn 1.816m <sup>2</sup> , cải tạo khối 05 phòng học hiện trạng và các hạng mục phụ	2016-2017	2515/QĐ-SKHĐT 30/9/2016	13.934	12.705	4.000	6.000			6.000	
4	Trung tâm GDTC Dương Minh Châu	Số GD&ĐT	Thị trấn Dương Minh Châu	Diện tích: 3831m <sup>2</sup> , công trình rào: 389,87m; trạm biến thế 25KVA	2016	307/QĐ-SKHĐT 30/10/2015	10.083	9.603	8.000	1.000			1.000	
5	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tân Biên	Số GD&ĐT	Thị trấn Tân Biên	bổ sung 1 số hạng mục	2016-2017	105/QĐ-SKHĐT; 30/3/2016	4.900		2.400	2.000			2.000	
	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>													
1	Nâng cấp mở rộng hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (gồm 02 đơn vị)	Số TTTT	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Tây Ninh	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu và thuê vị trí đất trong tâm dữ liệu của tỉnh	2016	2478/QĐ-UBND 29/10/2015	16.701	15.274	16.000	4.000			4.000	
	<b>KHU DẪN CỤ, CỤM DẪN CỤ</b>													
1	Ba khu dân cư biên giới Đặc Tây Ninh		Tân Châu, Tân Biên		2008-2016	407/QĐ-UBND 10/3/2009; 1101/QĐ-UBND 13/6/2013 (Điều chỉnh)	0	0	7.260	15.000			15.000	
	<b>VĂN HÓA - THỂ THAO - XÃ HỘI</b>													
1	Trung tâm đào tạo và huấn luyện thể thao Tây Ninh	Số VH&DL	Châu Thành	Cải tạo khối nhà thành khu hành chính, xây mới nhà lớp học, nhà môi trũ, nhà ăn, nhà tin đầu, sân thi đấu	2014-2016	2524/QĐ-UBND 11/10/2014	197.303	182.577	38.305	25.000			25.000	
2	Dự án phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho làng trường toàn diện khu vực rêu vùng Mè Kông mở rộng - Tiểu dự án cải thiện về sinh môi trường di tích lịch sử văn hóa Núi Bà Đen	Ban thực hiện dự án tỉnh (PIU)	TP Tây Ninh (Núi Bà Đen)	Cải thiện về sinh môi trường di tích lịch sử văn hóa Núi Bà Đen	2015-2019	1459/QĐ-BVHTTDL 16/5/2014	118.011	118.011	305	3.000			3.000	Đầu ứng ODA (TMDT): 3.000/118.011 trđ, lĩnh đối ứng 12.832 trđ)
	<b>AN NINH QUỐC PHÒNG</b>													
1	Khu vực phòng thủ tỉnh						89.386	78.884	52.117	46.000			46.000	
									13.517	20.000			20.000	





STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ kinh phí đầu công tác thiết kế hoặc năm trước	Kế hoạch năm 2017						Chức vụ
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân quỹ chi ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết	Chức vụ		
2	Ban đối tượng tin	Bà CHQS tỉnh	TP Tây Ninh	Xây dựng kho nhà làm việc 1 trệt, 1 lầu diện tích 1.462m <sup>2</sup> , kê cầu BTCT, Nhà xe 100m <sup>2</sup>	2016-2017	273/QĐ-SKHDT/25/10/2013	10.646	7.804	6.000	1.000	1.000				Chức vụ đầu tư chính thời gian thực hiện	
3	Lắp đặt hệ thống camera công nghệ cao cho hai cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài và Xà Mát	BCH BDPB tỉnh	Biên Cửu, Tân Biên	Lắp đặt hệ thống camera công nghệ cao	2015-2016	246/QĐ-SKHDT/28/10/2015	14.893	14.184	10.000	3.000	3000					
4	Doanh trại Trại kiểm soát Biên phòng của khẩu quốc tế Xà Mát	Trung tâm quản lý đầu tư xây dựng Tây Ninh	Xã Tân Lập - Tân Biên	Nhà điều hành: 256,26m <sup>2</sup> ; Nhà ở của bộ chiến sĩ và kho tàng vật: 534,74m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ khác	2016	302/QĐ-SKHDT/30/10/2015	11.113	10.584	5.000	4.000	4000					
6	Trụ sở đơn vị công tác thuộc Công an Tây Ninh	CA tỉnh	TP Tây Ninh	Xây dựng kho nhà 1 trệt 3 lầu: 899,2m <sup>2</sup> , công hàng rào dây thép gai, trụ cờ	2016	313/QĐ-SKHDT/30/10/2015	7.808	7.070	2.600	3.000	3.000					
7	Đoàn Biên phòng Văn Trạng Trại (839) và Trại kiểm soát biên phòng Biên Cửu	BCH BDPB tỉnh	Xã Biên Giới, Châu Thành	4 khối nhà 2 tầng, kê cầu BTCT, tổng DT sàn 1.744m <sup>2</sup> , các khối nhà trệt với tổng DT sàn 1.071m <sup>2</sup> và các công trình phụ trợ	2016-2018	2491/QĐ-UBND/30/10/2015	44.926	39.242	15.000	15.000	15.000				Thanh toán khối lượng hoàn thành	
<b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÁC CƠ QUAN KHÁC</b>																
1	Trụ sở làm việc Ban tuyên giáo Tỉnh ủy	TT QLĐT XD TN	TP Tây Ninh	Xây mới 1 trệt, 2 lầu: 560,15m <sup>2</sup> , nhà xe, công hàng rào, sân tennis, phòng thoát nước, trạm biến áp	2015-2016	244/QĐ-SKHDT/28/10/2015 (đc)	12.974	12.367	8.600	4.000	4.000				Người thu phí cửa khẩu	
2	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trại kiểm soát cửa khẩu Mộc Bài	BQL Khu KT tỉnh	Mộc Bài	Sửa chữa, mở rộng, cải tạo trạm kiểm soát liên hợp	2015-2016	89/QĐ-HQLKKT/31/10/2014	47.729	39.659	30.000	6.000	6.000				Chức vụ đầu tư chính thời gian thực hiện	
3	Xây mới trụ sở làm việc Dang uy: Khối doanh nghiệp	Đang uy Khối doanh nghiệp tỉnh	TP Tây Ninh	Xây mới 822,12m <sup>2</sup>	2016	314/QĐ-SKHDT/30/10/2015	7.312	6.964	2.600	3.000	3.000				Chức vụ đầu tư chính thời gian thực hiện	
4	Các công trình thuộc Sở Tư pháp và Trụ sở Hội luật gia-đoàn luật sư Tây Ninh	TT QLĐT XD TN	TP Tây Ninh	Nhà làm việc 5 tầng: 1628,1m <sup>2</sup>	2016	315/QĐ-SKHDT/30/10/2015	13.583	11.332	8.000	2.500	2.500				Chức vụ đầu tư chính thời gian thực hiện	
5	Di dời trạm Báo tăng tỉnh Tây Ninh	Sở VH TT & DL	TP Tây Ninh	XD khu làm việc, kho chứa hiện vật tạm, cải tạo nhà Văn tỉnh	2016	133/QĐ-SKHDT/18/5/2016	10.250	9.762	8.000	1.000	1.000				Chức vụ đầu tư chính thời gian thực hiện	
6	Trụ sở Ban tuyên giáo Tỉnh ủy (trước)	TT QLĐT tỉnh	TP Tây Ninh	DTXD: 479,22m <sup>2</sup> , 1 trệt, 2 lầu, kê cầu BTCT và các công trình phụ trợ	2016-2017	104/QĐ-SKHDT/30/3/2016	11.694	11.137	3.000	8.000	8.000					



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QP đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017				Chi chú
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân sách chi ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết	
7	Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh	BQL KKT tỉnh	Mộc Bài	13km đường BTNN, hệ thống cấp nước 7000m <sup>3</sup> /ngày, hệ thống xử lý nước thải 9000m <sup>3</sup> /ngày, và cơ sở thu hồi, phân loại rác	2014-2018	140/QĐ-BQLKKT 26/7/2012	945.665	45.000	6.348				45.000	phần NS lĩnh đối ứng 53.813 triệu đồng
<b>HL2 Dự án khởi công mới</b>														
<b>GAO THỐNG</b>														
1	Đường ra của khu Biên Mãn (Đường Tả Nông)	Số GTVT			2017-2020	2791/QĐ-UBND 28/10/2016	37.942	20.000	0				20.000	
2	Nâng cấp, cải tạo và nâng hóa đường 30-4	Số GTVT	TP Tây Ninh		2017-2019	2792/QĐ-UBND 28/10/2016	370.000	70.000	0				70.000	
3	Mở rộng đường Nguyễn Văn Linh (Đoạn từ giao lộ đường Nguyễn Huệ đến cầu Năm Trại)	Số GTVT			2017-2018	2793/QĐ-UBND 28/10/2016	70.000	30.000	0				30.000	
4	Đường ĐT 790 nối dài, đoạn từ đường Khedol-Suối Đà đến đường Bô Lít-Bầu Vương - Công số 3	Số GTVT			2017-2018	339/QĐ-SKHDT 28/10/2016	29.660	15.000	0				15.000	
<b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>														
1	Bê tông hóa kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và khôi phục kênh N26-16, N26-26-3	Công ty TNHH-MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh	Trảng Bàng	xây dựng kênh BTCT N26 dài 1,036m và các công trình trên kênh	2017-2018	316/QĐ-UBND 28/10/2016	4.331	3.200	0				3.200	
2	Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400	Công ty TNHH-MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh	Gò Dầu	chiều dài 1.509m kênh BTCT	2.017	315/QĐ-UBND 28/10/2016	4.687	3.500	0				3.500	
3	Bê tông hóa các tuyến kênh cấp II của kênh N4 (kênh N4-5, Kênh N4-7)	Công ty TNHH-MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh	Dương Minh Châu	xây dựng kênh BTCT N4-7 dài 996m và N4-5 dài 878m	2017-2018	317/QĐ-UBND 28/10/2016	3.967	3.000	0				3.000	
4	Đê bao Phước Hội, xã Phước Chí	Số NN&PTNT	Trảng Bàng	Dài 7.354 m, phục vụ 210 ha	2017-2018	309/QĐ-SKHDT 28/10/2016	14.971	7.000	0				7.000	
5	Đê bao Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	Số NN&PTNT	Gò Dầu	chiều dài 3.685m, cấp nước tưới 226 ha, L=3700m	2017-2018	310/QĐ-SKHDT 28/10/2016	7.204	4.000	0				4.000	
6	Nạo vét kênh tiêu Châu Đà ra sông Vàm Cỏ (kênh tiêu T13 và T13A)	Số NN&PTNT	Châu Thành	Dài 7.550 m	2017-2018	297/QĐ-SKHDT 26/10/16	9.226	4.500	0				4.500	
7	Nạo vét kênh tiêu Tả Xia	Số NN&PTNT	Tân Biên	tiêu thoát nước cho 500 ha	2017-2018	296/QĐ-SKHDT 26/10/16	14.857	6.000	0				6.000	
8	Xây mới HICN đập Tân Lâm, xã Tân Hòa	Số NN&PTNT	Tân Châu	287m <sup>3</sup> ngày đêm, 200 hộ	2016-2018	324/QĐ-SKHDT 28/10/2016	6.441	5.000	0				5.000	

STT	Dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tăng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017				Ghi chú
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân sách chi ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết	
9	Xây mới HTCN ngã 3 Bô Trục	Sở NN&PTNT	Tân Châu	426m3/ngày đêm, 590 hồ	2016-2018	314/QĐ-SKHDT/28/10/2016	8.740	8.476	4.000	4.000	0	0	4.000	
10	Trạm kiểm soát lưu lượng, BQL rừng phòng hộ Dầu Tiếng	Sở NN&PTNT	Tân Châu	Cao 31m, 2 trạm áp Trạng Thái và áp Cao Trạng	2016-2017	325/QĐ-SKHDT/28/10/2016	4.000	3.999	3.000	3.000	0	0	3.000	
11	PCCC và tiện tiện sức khỏe	TT QLĐT XD TN	Tân Biên, TN (YQG)	hồ nước nhà TDTT, nhà cầu tin, đất nước, sân...	2016-2017	264/QĐ-SKHDT/30/10/2015	5.496	5.253	4.000	4.000	0	0	4.000	
12	Trạm kiểm soát lưu lượng chảy rừng, Khu rừng VHLS Chiăng Rêc		Tân Biên	Cao 34m, diện tích xây dựng 152m2	2016-2017	336/QĐ-SKHDT/28/10/2016	2.302	2.275	1.500	1.500	0	0	1.500	
13	Hồ tưới cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg (cạnh đồng lúa), Quyết định 68/2013/QĐ-TTg (hồ tưới lúa sạit (vay)	Sở NN&PTNT					58.934	46.036	30.000	24.631	0	0	24.631	
	<b>Y TẾ</b>													
1	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Gò Dầu	UBND huyện Gò Dầu	Gò Dầu		2017-2018	2794/QĐ-LUBND/28/10/2016	44.954	40.340	20.000	20.000	0	0	20.000	
2	Nâng cấp trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm	TT QLĐT XD TN	TP Tây Ninh		2017-2018	340/QĐ-SKHDT/28/10/2016	5.980	5.696	4.500	4.500	0	0	4.500	
3	Dự án An ninh y tế khu vực Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (vay vốn ADB)	Sở y tế		phòng chống dịch, bệnh, nâng cao năng lực trong giám sát và đáp ứng dịch, bệnh, đầu tư hệ thống năng lực xử nghiệm	2016-2021	692/QĐ-TTg/27/4/2016				131				NS tỉnh đơn ứng 2017 là 131 trđ theo văn bản số 7262/BYT-ĐP ngày 04/10/2016
	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, ĐÀO NGHIỆ</b>						19.943	18.904	11.500	11.500	0	0	11.500	
1	Sân chùa, cải tạo Hội trường B - Trường chính trị	TT QLĐT XD TN	Hòa Thành, TN	Nhiệm C	2016-2017	338/QĐ-SKHDT/28/10/2016	1.917	1.826	1.500	1.500	0	0	1.500	
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trung tâm giáo dục học sinh xã hội				2017-2018		18.026	17.078	10.000	10.000	0	0	10.000	
	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>						24.778	22.727	18.000	18.000	0	0	18.000	
1	Dự án "Đầu tư trang thiết bị, kiến định máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, về an toàn lao động cho Trường Lâm Nghiệp tỉnh, ứng dụng tiến bộ KHCN Tây Ninh"	Sở Khoa học và Công nghệ	TP Tây Ninh	đầu tư thiết bị kiểm định bình vực an toàn lao động	2.017	267/QĐ-SKHDT/17/10/2016	4.905	4.660	4.000	4.000	0	0	4.000	
2	Xây dựng hệ thống mới của hiện đại và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các đơn vị cấp huyện theo mô hình tập trung	Sở TTTT	trình, 9 huyện, 95 xã	đầu tư và triển khai phần mềm mới của diện tư hiện đại và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các đơn vị cấp huyện theo mô hình tập trung	2017-2018	332/QĐ-SKHDT/28/10/2016	9.852	8.957	8.000	8.000	0	0	8.000	



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017				Chi chú	
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Nguồn hội chi ngân sách địa phương	Xổ số kiến thiết		
4	Xây dựng hệ thống phần mềm vận phòng điện tử cho toàn tỉnh theo mô hình đám mây	Số TTTT	23 đơn vị cấp tỉnh, 9 huyện, 34 xã	Xây dựng hệ thống Văn phòng điện tử theo mô hình đám mây với bản quyền phần mềm cho các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh; Đào tạo, chuyển giao công nghệ; Chuyển dữ liệu sang hệ thống mới.	2017-2018	333/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	10.021	9.110	6.000	6.000	0	0	0	6.000	
<b>VĂN HÓA-THỂ THAO-XÃ HỘI</b>															
1	Cầu tào khán đài A, khán đài B, đường chạy Sơn vận đồng tỉnh Tây Ninh	Số VHHT&DL	TP Tây Ninh		2017	335/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4.988	4.749	4.500	4.500	0	0	0	4.500	
2	Bảo cáo KTKT Tháp quan sát - Cảnh lửa Pano Khu di tích lịch sử SMMN tại Bến Lát	TT QLĐTXD TN	Đồn Thuận, Trảng Bàng, TN	Nhóm C	2016-2017	329/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	1.308	1.187	1.400	1.400	0	0	0	1.400	
<b>AN NINH QUỐC PHÒNG</b>															
1	Xây dựng kho, trạm xăng dầu cấp II (Đề án xăng dầu kết hợp Quốc phòng - Kinh tế)	Bộ CHQS tỉnh	Tân Biên	xây dựng kho, trạm xăng dầu quy mô cấp II	2017-2018	307/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4.700	4.510	3.700	3.700	0	0	0	3.700	
2	Trung tâm Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	Bộ CHQS tỉnh	TP Tây Ninh		2916-2017	2035/QĐ-UBND 04/9/2015	14.999	12.500	7.000	7.000	0	0	0	7.000	Tỉnh đã ủy quyền Tư lệnh QK7 phê duyệt ĐCKTKT
3	Đoanh trại Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	Bộ đội Biên phòng tỉnh	TP Tây Ninh		2916-2019	439/QĐ-BQP 28/01/2016	125.000	108.003	10.000	10.000	0	0	0	10.000	Vốn BQ QP 87,5 tỷ đồng (70%), vốn ĐP 37,5 tỷ đồng (30%)
4	Đồn Biên phòng Phước Chi (855)	BCH BDBP tỉnh	Xã Phước Chi, Trảng Bàng	4 khối nhà 2 tầng, kết cấu BTCT, tổng DT sàn 1.744m <sup>2</sup> , các khối nhà trên với tổng DT sàn 1.071m <sup>2</sup> và các công trình như trờ	2016-2018	2795/QĐ-UBND 28/10/2016	33.569	29.202	15.000	15.000	0	0	0	15.000	
5	Trụ sở làm việc thủy dôi thuộc phòng cảnh sát giao thông Công an Tây Ninh	C.A tỉnh	Trảng Bàng	nhà làm việc 1 trệt, 1 lầu, tổng DT sàn 324m <sup>2</sup>	2017-2018	311/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	13.014	12.576	6.000	6.000	0	0	0	6.000	
<b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÁC CƠ QUAN, KHÁC</b>															
1	Trụ sở Văn phòng sát nhân dân huyện Hòa Thành						34.731	33.136	30.900	30.900	0	0	0	30.900	
2	Trụ sở Văn phòng sát nhân dân huyện Trảng Bàng	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh	TP Tây Ninh						3.000	3.000	0	0	0	3.000	NS tỉnh hỗ trợ 03 tỷ đồng
3	Sửa chữa nhà công vụ tỉnh và các bang mục phụ Văn phòng UBND tỉnh	VP UBND tỉnh			2017	342/QĐ-SKHĐT 28/10/2016	4.834	4.584	2.500	2.500	0	0	0	2.500	NS tỉnh hỗ trợ 03 tỷ đồng

STT	Dự án	Chức năng	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công-hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vấn đề thanh toán từ khởi công đến kết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Chi chi	
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân lợi chi ngân sách địa phương		Xổ số kiến thiết
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hòa Thành	Số TN&MT	Hòa Thành		2017	336/QĐ-SKHDT 28/10/2016	4.046	3.854		3.200	3.200			
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Lao động Thương binh và Xã hội				2017	330/QĐ-SKHDT 28/10/2016	2.324	2.214		2.200	2.200			
6	Sửa chữa nhà làm việc, hàng rào, kho lưu trữ, nhà xe 4 hành Liên Minh Hợp tác xã Tây Ninh				2017	337/QĐ-SKHDT 28/10/2016	1.031	982		800	800			
7	Cải tạo Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn (Trường Đoàn)				2017	338/QĐ-SKHDT 28/10/2016	873	832		700	700			
8	Xây mới trụ sở làm việc chung trạm thú y, khuyến nông, BHYT huyện Hòa Thành		Hòa Thành		2017	321/QĐ-SKHDT 28/10/2016	2.885	2.748		2.000	2.000			
9	Xây mới trụ sở làm việc chung trạm thú y, khuyến nông, BHYT huyện Bến Cầu		Bến Cầu		2017	323/QĐ-SKHDT 28/10/2016	3.083	2.949		2.200	2.200			
10	Xây mới trụ sở làm việc chung trạm thú y, khuyến nông, BHYT huyện Trảng Bàng		Trảng Bàng		2017	327/QĐ-SKHDT 28/10/2016	3.349	3.190		2.200	2.200			
11	Xây mới trụ sở làm việc chung trạm thú y, khuyến nông, BHYT huyện Gò Dầu		Gò Dầu		2017	322/QĐ-SKHDT 28/10/2016	2.958	2.879		2.000	2.000			
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tây Ninh	Số VH&T&DL			2017	334/QĐ-SKHDT 28/10/2016	1.305	1.243		1.300	1.300			
13	Dự án đầu tư trụ sở các chi cục-Tập-BQL các công trình và san GD việc làm	YT QĐ/DTXD TN	Tp Tây Ninh	2 khối nhà làm việc, tổng DT san, kho: 1.68m <sup>2</sup> và kho: 2.162m <sup>2</sup>	2017	319/QĐ-SKHDT 28/10/2016	6.456	6.149		4.500	4.500			
14	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 5	Số Công thương	Tân Châu		2017	343/QĐ-SKHDT 28/10/2016	1.587	1.512		1.300	1.300			
<b>III.3</b> <i>Thanh toán Khởi tạo và đang thực hiện</i>														
<b>III.4</b> <i>Đầu tư từ nguồn tài chính khác địa phương</i>														
<b>B</b> <b>LUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ</b>														
1	TINH HOÁ TRỢ MỨC TIÊU									572.000	58.900		516.100	
1	Hồ sơ xây dựng nông thôn mới									240.000			240.000	
2	Phạt triển thành phố, thị xã (Thành ương đô thị)									131.000			131.000	



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nội lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (tiêu chí nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Ghi chú	
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Ngân sách chi ngân sách địa phương		Xã số kiến thiết
3	Xây mới trường học thuộc Đề án phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn khó khăn											25.000		
4	Hỗ trợ khác											146.000	25.900	120.100
5	Đầu tư cho các dự án khu vực cửa khẩu (Nguồn thu phi sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu)											30.000	30.000	Nguồn thu phi cửa khẩu
<b>II VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>														
1	<i>Cần đổi ngân sách</i>											239.620	239.620	
	<i>Trong đó:</i>											169.620	169.620	
	- Chuyển bị đầu tư											5.400	5.400	
	- Giáo dục-Đào tạo											27.000	27.000	
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>											70.000	70.000	
<b>Phân bổ cụ thể cho từng huyện, thành phố</b>														
<b>(I) THÀNH PHỐ TÂY NINH</b>														
(I.1)	Tỉnh hỗ trợ mục tiêu											134.310	62.310	72.000
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới											72.000		72.000
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)											16.000		16.000
3	Hỗ trợ khác											40.000		40.000
(I.2)	Vốn ngân sách thành phố											16.000		16.000
1	<i>Cần đổi ngân sách</i>											62.310	62.310	
	<i>Trong đó:</i>											35.310	35.310	
	- Chuyển bị đầu tư											600	600	
	- Giáo dục-Đào tạo											3.000	3.000	
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>											27.000	27.000	
<b>(II) HUYỆN HÒA THÀNH</b>														
(II.1)	Tỉnh hỗ trợ mục tiêu											105.740	32.340	73.400
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới											82.000	8.600	73.400
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)											28.000		28.000
3	Hỗ trợ khác											38.000		38.000
												16.000	8.600	7.400

STT	Dự án	Chỉ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thước giảm khời công- hoàn thành	QB đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khời công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Ghi chú
										Tổng cộng	Ngân sách tập trung	Nguyên bởi chi ngân sách địa phương	
(III.2)	Vốn ngân sách huyện						23.740	23.740					
	1 Các đầu ngân sách						20.240	20.240					
	Trong đó:						600	600					
	- Chi trả bi đầu tư						3.000	3.000					
	- Giáo dục-Đào tạo						3.500	3.500					
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất						60.750	17.250					43.500
(III.1)	HUYỆN CHÂU THÀNH						45.000	1.500					43.500
(III.1.1)	Trình hồ trợ mục tiêu						28.000						28.000
1	Hồ trợ xây dựng phòng thôn mới						17.000	1.500					15.500
2	Hồ trợ khác						15.750	15.750					
(III.2)	Vốn ngân sách huyện						11.550	11.550					
1	Cán đầu ngân sách						600	600					
	Trong đó:												
	- Chi trả bi đầu tư						3.000	3.000					
	- Giáo dục-Đào tạo						4.200	4.200					
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất						60.250	22.250					38.000
(IV)	HUYỆN ĐƯƠNG MINH CHÂU						44.000	6.000					38.000
(IV.1)	Trình hồ trợ mục tiêu						28.000						28.000
1	Hồ trợ xây dựng nông thôn mới						16.000	5.000					10.000
2	Hồ trợ khác						16.250	16.250					
(IV.2)	Vốn ngân sách huyện						12.750	12.750					
1	Cán đầu ngân sách						600	600					
	Trong đó:												
	- Chi trả bi đầu tư						3.000	3.000					
	- Giáo dục-Đào tạo						3.500	3.500					
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất						110.250	28.250					82.000
(V)	HUYỆN TRẢNG BÀNG												



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Ghi chú
										Tổng cộng	Ngân sách lập trung	Ngân quỹ chi ngân sách địa phương	
(V.1)	Tỉnh hỗ trợ mục tiêu												
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới											82.000	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)											28.000	
3	Hỗ trợ khác											38.000	
(V.2)	Vốn ngân sách huyện											16.000	
1	Cần đầu tư ngân sách											28.230	
	Trong đó:											21.230	
	- Chuẩn bị đầu tư											600	
	- Giáo dục-Đào tạo											3.000	
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất											7.000	
(VI)	HUYỆN GÒ DẦU												
(VI.1)	Tỉnh hỗ trợ mục tiêu												
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới											78.760	50.000
3	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)											9.000	50.000
3	Hỗ trợ khác											28.000	28.000
(VI.2)	Vốn ngân sách huyện												
1	Cần đầu tư ngân sách											16.000	15.000
	Trong đó:											9.000	7.000
	- Chuẩn bị đầu tư											19.760	19.760
	- Giáo dục-Đào tạo											12.760	12.760
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất											600	
(VII)	HUYỆN BẾN CẦU												
(VII.1)	Tỉnh hỗ trợ mục tiêu												
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới											76.490	44.200
2	Hỗ trợ khác											60.000	44.200
3	Đầu tư cho các dự án khu vực cửa khẩu (Nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu)											28.000	28.000
(VII.2)	Vốn ngân sách huyện												
1	Cần đầu tư ngân sách											17.000	16.200
												15.000	
												16.490	Nguồn thu phí cửa khẩu
												10.890	

STT	Dự án	Chức năng	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đã trừ dự phòng phí)	Vốn đã thanh toán từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2017			Chiều
										Tổng cộng	Nguồn sách tập trung	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
							600	600					
	<i>Trong đó:</i>												
	- Chuẩn bị đầu tư						3.000	3.000					
	- Giao dịch-Đào tạo						5.600	5.600					
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>						87.640	43.640				44.000	
(VIII)	HUYỆN TÂN BIÊN						59.000	15.000				44.000	
(VIII.1)	Tỉnh hồ trợ nước tiêu						28.000					28.000	
1	Hồ trợ xây dựng nông thôn mới						16.000					16.000	
2	Hồ trợ khác						15.000	15.000					Nguồn thu phí cửa khẩu
3	Đầu tư cho các dự án khu vực cửa khẩu (Nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu)						28.640	28.640					
(VIII.2)	Vốn ngân sách huyện						21.340	21.340				44.000	
1	<i>Cần chi ngân sách</i>						600	600					
	<i>Trong đó:</i>												
	- Chuẩn bị đầu tư						3.000	3.000					
	- Giao dịch-Đào tạo						7.300	7.300					
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>						72.440	28.440				44.000	
(IX)	HUYỆN TÂN CHÂU						44.000					44.000	
(IX.1)	Tỉnh hồ trợ nước tiêu						28.000					28.000	
1	Hồ trợ xây dựng nông thôn mới						16.000					16.000	
2	Hồ trợ khác						28.440	28.440					
(IX.2)	Vốn ngân sách huyện						23.540	23.540					
1	<i>Cần chi ngân sách</i>						600	600					
	<i>Trong đó:</i>												
	- Chuẩn bị đầu tư						3.000	3.000					
	- Giao dịch-Đào tạo						4.900	4.900					
2	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>												